TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH QUẢNG NAM** *******	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2024/HS-ST
Ngày 02/7/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Linh
Các Hội thẩm nhân dân:
- Ông Võ Nam Phước
- Bà Lê Thị Kim Phụng
Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Trang
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ thực hành quyền công tố tại phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 7 năm 2024, tại 02 điểm cầu: Điểm cầu trung tâm tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đ và điểm cầu thành phần tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, Tòa án nhân dân huyện Đ *xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai* vụ án hình sự thụ lý số: 35/2024/TLST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2024/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phạm Văn L**; sinh ngày 29/6/1994 tại quận L, thành phố Đà Nẵng; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: tổ 59, phường K, quận L, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh ; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn M (sinh năm 1972) và bà Thái Thị D (sinh năm 1973) hiện cùng là lao động tự do và trú tại Tổ 59, phường HK, quận L, thành phố Đà Nẵng; bị cáo là con đầu trong gia đình có 04 anh em, chưa có vợ con.

Tiền sự: không;

Tiền án:

- Ngày 22/12/2015, bị TAND quận C, thành phố Đà Nẵng xử phạt 03 năm tù về tội *"Trộm cắp tài sản";* bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/10/2017, chưa chấp hành xong phần án phí dân sự sơ thẩm.
- Ngày 23/4/2020, bị TAND quận H, thành phố Đà Nẵng xử phạt 02 năm tù về tội *"Trộm cắp tài sản".* Chấp hành xong hình phạt ngày 16/6/2022.

Nhân thân:

- Ngày 22/4/2009, bị UBND quận L, thành phố Đà Nẵng áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Trường giáo dưỡng trong thời hạn 24 tháng về hành vi *"Trộm cắp tài sản".*
- Ngày 25/5/2019 bị Công an phường M, quận L, thành phố Đà Nẵng xử phạt 750.000 đồng về hành vi *"Đánh nhau".*

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 27/02/2024, chuyển tạm giam ngày 04/3/2024; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ; *có mặt tại phiên tòa ở điểm cầu thành phần.*

2. Họ và tên: **Lê Văn T**, sinh ngày 27/02/2001 tại thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ 11, phường P, thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn Nh (sinh năm 1960) và bà Ngô Thị H (sinh năm 1965) hiện cùng làm nông và trú tại Tổ 11, phường P, thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế; bị cáo là con út trong gia đình có 04 anh em, chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

- Ngày 08/9/2017, bị UBND phường P ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi *"Cố ý gây thương tích"* số tiền 750.000 đồng;

- Ngày 26/4/2018, bị TAND thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 02 năm tù về tội *"Cố ý gây thương tích"*.

- Ngày 28/6/2018, bị TAND tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 03 năm tù về tội *"Cướp giật tài sản",* tổng hợp với hình phạt 02 năm tù tại Bản án ngày 26/4/2018 của TAND thị xã T, tổng hình phạt chung là 05 năm tù, chấp hành xong hình phạt ngày 28/01/2022.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 27/02/2024, chuyển tạm giam ngày 03/4/2024; hiện đang bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ Công an huyện Đ, *có mặt tại phiên tòa ở điểm cầu thành phần.*

- Bị hại:

1. **Bà Nguyễn Thị L,** sinh năm 1959;

2. **Bà Võ Thị H**, sinh năm 1985

Địa chỉ: thôn N, xã ĐN, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Văn Miết, sinh năm 1972;

Địa chỉ: tổ 59, phường K, quận L, thành phố Đà Nẵng

2. **Ông Nguyễn Văn Th**, sinh năm 1978;

Địa chỉ: tổ A, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng.

- Người làm chứng:

1. Bà Thái Thị D, sinh năm 1973

Địa chỉ: tổ 59, phường K, quận L, thành phố Đà Nẵng

2. Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1983

Địa chỉ: thôn LT, xã ĐN, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

(*Bà L và ông Th có mặt tại điểm cầu trung tâm; bà H có đơn xin vắng mặt; ông M, bà D và ông H vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 26/02/2024, Phạm Văn L rủ Lê Văn T đi trộm cắp tài sản để lấy tiền tiêu xài cá nhân thì T đồng ý. L chuẩn bị 01 mỏ lếch và 01 xà beng nhổ đinh rồi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 43S9-1476 chở T đi từ thành phố Đà Nẵng vào huyện Đ theo đường Quốc lộ 14B để tìm nơi trộm cắp tài sản. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, L và T đến thôn N, xã ĐN, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam thì phát hiện nhà bà Nguyễn Thị L đóng cửa, không có người ở nhà nên L điều khiển xe mô tô đến cất giấu tại một miếu thờ gần đó rồi cùng T mang theo mỏ lếch và xà beng đi vào phía sau vườn nhà bà L. T đứng ngoài cảnh giới, L dùng xà beng cạy cửa sau đột nhập vào

nhà, đi vào phòng ngủ, mở tủ quần áo lục tìm lấy số tiền 7.300.000 đồng gồm nhiều mệnh giá khác nhau rồi đi ra ngoài đưa số tiền vừa trộm được cho T bỏ vào túi quần.

Tiếp đến, L phát hiện nhà của bà Võ Thị H ở bên cạnh nhà bà L cũng đóng cửa, không có người ở nhà nên L tiếp tục dùng xà beng cạy cửa, đột nhập vào nhà bà H, lấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung đang sạc trên đầu giường và lục tìm trong tủ áo quấn lấy số tiền 2.800.000 đồng rồi đi ra đưa điện thoại và tiền trộm được cho T (*đang đứng cảnh giới*) cất vào túi quần. Cả hai đi ra khỏi nhà bà H theo đường đã đột nhập vào. Lúc này bà L cùng con rể là anh Nguyễn Thanh Hồng vừa về đến nhà, phát hiện thấy L và T nên truy hô người dân đuổi theo, đồng thời trình báo sự việc đến Công an xã ĐN, huyện Đ. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày thì bắt được L và T đang lẩn trốn tại thôn An Lợi Tây, xã ĐN, huyện Đ và thu giữ trên người của T số tiền 4.710.000 đồng còn lại. Quá trình điều tra, L và T khai nhận trong quá trình bỏ chạy đã làm rơi chiếc điện thoại di động còn tiền trộm cắp được thì không đếm.

Tại Kết luận định giá tài sản số 14/KL-HĐĐGTS ngày 08/4/2024 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận: *"01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J3, màu vàng gold, màn hình cảm ứng, không gắn thẻ sim, đã qua sử dụng có giá trị là 500.000 đồng".*

** Vật chứng của vụ án thu giữ được:*

- 01 mỏ lếch bằng kim loại sắt, màu trắng, dài 30cm; 01 xà peng nhổ đinh bằng kim loại sắt, dài 55cm *(hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ quản lý)*

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Future Neo, màu sơn đen xám, biển kiểm soát 43S9-1476, số khung: RNDWCH0ND61J02657, số máy VDGZS15FHW00002657 *(hiện do cơ quan CSĐT Công an huyện Đ quản lý).*

- Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam 4.710.000 đồng *(đã trả cho chủ sở hữu).*

**Về dân sự:* Bà Võ Thị H đã nhận số tiền 2.800.000 đồng, bà Nguyễn Thị L đã nhận lại số tiền 1.910.000 đồng thu giữ được; ngoài ra gia đình bị cáo Lê Văn T đã bồi thường cho bà Nguyễn Thị L số tiền 2.000.000 đồng. Các bị hại không có yêu cầu bồi thường thêm về dân sự.

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo Phạm Văn L và Lê Văn T đã tỏ ra ăn năn hối cải, thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố nêu trên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Các bị cáo khai trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo không bị dùng nhục hình, ép cung, mớm cung và không có khiếu nại về các hành vi, quyết định tố tụng.

Tại cáo trạng số 33/CT-VKSĐL-HS ngày 10/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố các bị cáo Phạm Văn L về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo điểm a, b, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 và Lê Văn T về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên quan điểm truy tố đồng thời đề nghị:

- Áp dụng điểm a, b, g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 xử phạt bị cáo Phạm Văn L từ 03 (*Ba*) năm 06 (*Sáu*) tháng đến 04 (*Bốn*) năm tù.
- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 02 (*Hai*) năm 06 (*Sáu*) tháng đến 03 (*Ba*) năm tù.

Bị hại Nguyễn Thị L và Võ Thị H khai về diễn biến vụ án phù hợp với cáo trạng đã truy tố, đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự. Tại phiên toà bà L xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

N*gười có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phạm Văn Miết khai*: Xe mô tô nhãn hiệu Future Neo, màu sơn đen xám, biển kiểm soát 43S9-1476 do ông quản lý, để ở nhà thờ tại phường Trường Xuân, thành phố Tam Kỳ làm phương tiện đi lại khi về quê. Ông Miết không biết L sử dụng xe để thực hiện hành vi phạm tội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn Th khai ông không có đứng tên sở hữu và không có sử dụng xe mô tô hiệu Future Neo, màu sơn đen xám mang biển kiểm soát 43S9-1476 nên ông không có yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo không bị dùng nhục hình, ép cung, mớm cung mà đã được Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phổ biến về quyền, nghĩa vụ của mình trong từng giai đoạn tố tụng và tự khai báo về hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Hội đồng xét xử xác định hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên; Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Bị hại Võ Thị H có đơn xin vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Văn Miết và Thái Thị Dung vắng mặt tại phiên tòa dù đã được triệu tập hợp lệ, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử là đảm bảo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1]. *Về tội danh và khung hình phạt*: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Phạm Văn L và Lê Văn T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản kiểm tra, xác định nơi xảy ra vụ việc, kết quả thực nghiệm điều tra, lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận định giá, vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử có cơ sở xác định được: Do muốn có tiền tiêu xài, vào khoảng 10 giờ ngày 26/02/2024, Phạm Văn L và Lê Văn T đã bàn bạc, chuẩn bị công cụ và điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 43S9-1476 đi từ thành phố Đà Nẵng theo hướng đường quốc lộ 14B vào huyện Đ để trộm cắp tài sản. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, cả hai lén lút đột nhập vào nhà bà Nguyễn Thị L (*tại thôn N, xã ĐN, huyện Đ*) trộm cắp số tiền 7.300.000 (*bảy triệu ba trăm ngàn*) đồng và đột nhập vào nhà bà Võ Thị H (*kế bên nhà bà L*) trộm cắp số tiền 2.800.000 (*hai triệu tám trăm ngàn*) đồng và chiếc điện đi động hiệu Samsung Galaxy J3 có giá trị là 500.000 (*năm trăm ngàn*) đồng. Tổng số tài sản mà L và T chiếm đoạt của các bị hại là 10.600.000 (*mười triệu sáu trăm ngàn*) đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo L và T khai nhận khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, các bị cáo có sự cấu kết chặt chẽ, rủ rê, cùng chuẩn bị phương tiện, cùng thực hiện hành vi trộm cắp nên thuộc trường hợp phạm tội "*có tổ chức*".

Bị cáo Phạm Văn L nhân thân có tiền án: tại bản án số 18/2020/HSST ngày 23/4/2020 của TAND quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã xử phạt Phạm Văn L 02 năm tù về tội *"Trộm cắp tài sản"* với tình tiết định khung "*phạm tội có tính chất chuyên nghiệp*" và tình tiết tăng nặng "*tái phạm*". Đến ngày 26/02/2024, bị cáo L chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, lấy tài sản trộm cắp được làm nguồn sống chính nên phạm tội thuộc trường hợp "*phạm tội có tính chất chuyên nghiệp*" và "*tái phạm nguy hiểm*".

Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Phạm Văn L phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" quy định tại điểm a, b, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 và bị cáo Lê Văn T phạm tội: "*Trộm cắp tài sản*" quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] *Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo thì thấy*: Các bị cáo L và T đều đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, hiểu biết pháp luật. Thế nhưng, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà không phải bỏ công sức lao động, các bị cáo đã bất chấp các quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của các bị hại để chia nhau tiêu xài, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của các bị hại đồng thời còn xâm phạm nghiêm trọng trật tự trị an trên địa bàn huyện Đ. Do đó cần phải xử phạt các bị cáo nghiêm khắc bằng cách áp dụng hình phạt tù để giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và ngăn ngừa tội phạm.

[2.3] Xét vai trò của các bị cáo thì thấy:

Bị cáo Phạm Văn L: giữ vai trò chủ mưu, khởi xướng vụ án và là người thực hành tội phạm tích cực. Bị cáo rủ rê Lê Văn T trộm cắp, chủ động chuẩn bị công cụ, phương tiện, xác định hướng đi và mục tiêu trộm cắp, trực tiếp cạy mở cửa nhà bị hại lục tìm và trộm tài sản của các bị hại rồi cùng T tẩu thoát.

Bị cáo Lê Văn T: giữ vai trò thực hành tội phạm. Khi nghe bị cáo L rủ rê, T tích cực hưởng ứng và cùng L tìm kiếm tài sản, cảnh giới cho L trộm cắp và cất giữ tài sản L trộm được, cùng L mang tài sản tẩu thoát.

Các bị cáo L và T đều có nhân thân xấu, nhiều lần bị xử phạt tù về các hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác và nhiều lần bị xử phạt hành chính, lẽ ra phải tu tâm dưỡng tính nhưng các bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, thể hiện bản tính liều lĩnh, bất chấp pháp luật, không có thái độ ăn năn hối cải.

Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với vai trò, tính chất, mức độ hành vi và hậu quả do các bị cáo gây ra.

[2.3] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo*:

- *Về tính tiết tăng nặng*: các bị cáo thực hiện 02 lần trộm cắp tài sản trong chiều ngày 26/02/2024, mỗi lần số tiền chiếm đoạt hơn 2.000.000 đồng nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng "*phạm tội 02 lần trở lên*" theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015.

- *Về tình tiết giảm nhẹ*: Xét thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo nhận tội. Một phần tài sản trộm cắp đã bị thu hồi trả lại cho bị hại, các bị hại xin bãi nại về dân sự. Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị L xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 đối với các bị cáo. Bị cáo T đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại số tiền

2.000.000 đồng nên được áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 là phù hợp.

[2.4] *Về trách nhiệm dân sự*: Bị hại Nguyễn Thị L và Võ Thị H khai đã nhận lại tài sản bị mất, không có yêu cầu về dân sự nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[2.5] *Về xử lý vật chứng:* Đối với 01 mỏ lếch bằng kim loại sắt, màu trắng, dài 30cm; 01 xà peng nhổ đinh bằng kim loại sắt, dài 55cm (*đều đã qua sử dụng*), Hội đồng xét xử căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 để tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

[2.6] *Về các vấn đề khác*:

- Trong vụ án này, Phạm Văn L và Lê Văn T sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Future Neo, màu sơn đen xám, biển kiểm soát 43S9-1476 để thực hiện hành vi phạm tội. Qua điều tra, xác định giấy đăng ký xe trên mang tên Nguyễn Văn Th *(trú tổ 4, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng).* Tuy nhiên, ông Th khai nhận ông không có đứng tên sở hữu và không có sử dụng xe mô tô mang biển kiểm soát như trên. Do đó, Cơ quan điều tra tách ra để tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý sau là phù hợp.

[3] *Về án phí:* Các bị cáo L và T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 (*sửa đổi bổ sung năm 2017*); đối với bị cáo Phạm Văn L áp dụng thêm điểm b, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015; đối với bị cáo Lê Văn T áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

2. **Tuyên bố***:* Các bị cáo Phạm Văn L và Lê Văn T phạm tội "**Trộm cắp tài sản**".

- Xử phạt: Bị cáo **Phạm Văn L** 03 (*Ba*) năm 06 (*Sáu*) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ ngày **27/02/2024**.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Văn T** 02 (*Hai*) năm 06 (*Sáu*) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ ngày **27/02/2024**.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015: Tuyên tịch thu tiêu hủy đối với 01 mỏ lếch bằng kim loại sắt, màu trắng, dài 30cm; 01 xà peng nhổ đinh bằng kim loại sắt, dài 55cm (*tất cả đều đã qua sử dụng, hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ quản lý*).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS 2015 và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Phạm Văn L và Lê Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (*Hai trăm ngàn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Nam;*
- *VKSND huyện Đ;*
- *Chi cục THADS huyện Đ;*
- *Bị cáo; bị hại, NLQ*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ái Linh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**